

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

TELEPHONE 703-560-0058

(Two Copies)

Exit Visa: - - -Yes- -No

1. APPLICANT IN VIETNAM :	LÊ	QUANG	MINH
	-----	-----	-----
	Last	Middle	First

Previous Occupation (before 1975) : Second Lieutenant - Company leader of
Rank and Position) Spy Company.

plus one year placed under the supervision and permanent control of the Vietnam Local Authorities after the date of my release from camp.

SPONSOR'S NAME : None

Relationship

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE QUANG MINH

[illegible]

1/ NGUYỄN THỊ DUNG	05 October 1959	Wife
2/ LÊ QUANG KHANH	20 October 1983	Son
3/ LÊ QUANG CẨM UYÊN	12 September 1985	Daughter
4/ LÊ QUANG CẨM YẾN	10 December 1988	Daughter
5/ LÊ THỊ HẠNH	24 April 1966	Young sister

DEPENDENT'S ADDRESSES : As above

ADDITIONAL INFORMATION : It is respectfully request that any requisite documents such as Letter of Introduction (LOI) with enclosed IV number opened for me in the ODP Office, or have our names placed on the prearranged Ex-Political Prisoners Sechedule, in order my family members and I may be permitted to leave Vietnam for the United States under the H.O. Program.
Hoping to receive your early reply, please accept my heartfelt thanks for your kind assistance in my favor.

Respectfully yours,



LE QUANG MINH

**FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION**

PO. BOX 5435 ARLINGTON VA-22205-0635

TELEPHONE 703-560-0050

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

IV NO: -- -- -- --

VEWL No: - - - - -

LFI : - - -Yes---No

Exit Visa: - - -Yes- -No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM :	LE	QUANG	MINH
	-----	-----	-----
	Last	Middle	First

Current address : 100 KT/B/35^A BÌNH THỜI P.14, Q.11, HoChiMinh City VN

Date of birth : 15 March 1952 Place of birth : Hung Yen (North VN)

Previous Occupation (before 1975) : Second Lieutenant - Company leader of
Rank and Position) Spy Company.

2. - TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP ; Dates: From 29 June, 1975 to 10 December 80

Plus one year placed under the supervision and permanent control of the Vietnam Local Authorities after the date of my release from camp.

SPONSOR'S NAME : None

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Relationship

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG MINH

[illegible]

1/ NGUYỄN THỊ DUNG	05 October 1959	Wife
2/ LÊ QUANG KHANH	30 October 1983	Son
3/ LÊ QUANG CẨM UYÊN	12 September 1985	Daughter
4/ LÊ QUANG CẨM YẾN	10 December 1988	Daughter
5/ LÊ THỊ HẠNH	24 April 1966	Young sister

DEPENDENT'S ADDRESSES : As above

ADDITIONAL INFORMATION : It is respectfully request that any requisite documents such as Letter of Introduction (LOI) with enclosed IV number opened for me in the ODP Office, or have our names placed on the prearranged Ex-political Prisoners Schedule, in order my family members and I may be permitted to leave Vietnam for the United States under the H.O. Program.
Hoping to receive your early reply, please accept my heartfelt thanks for your kind assistance in my favor.

Respectfully yours,



LE QUANG MINH

INTAKE FORM (Two Copies)

Mẫu Đơn về Lý Lịch

Đ/S Đ SƠ ĐỒ TỨC

NAME (Tên tù nhân) : LÊ QUANG MINH
Last(Tên họ) Middle(Giữa) First (Tên gọi)

DATE AND PLACE OF BIRTH : 03 15 1952
(Năm, nơi sinh) Month (tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay nữ) : Male (Nam) : MALE

MARITAL STATUS : Married(có lập gia đình);
(Tình trạng gia đình) MARRIED

ADDRESS IN VIETNAM : 100 KT/B/35 A BÌNH THỚI P.14, Q.11, HOCHIMINH CITY, VN
(Địa chỉ tại Việt Nam)

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có)
If yes (Nếu có): From(từ) : 29 June 1975 To(đến): 10 December 1980

PLACE OF RE-EDUCATION : The last Re-education camp : TÂN HIỆP - BIÊN HÒA
CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp) : Tailor

EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ) : N/A

VN ARMY(Quân đội VN) Rank(Cấp bậc) : Second-Lieutenant
Position(Chức vụ): Company leader of Spy Company under
12th Regiment, 07th Division
Date (năm) : 1973 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có) : YES
1984 and 1988

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 05 PERSONS
(Tên thân nhân theo từng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết)

MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 100 KT/B 35A BÌNH THỚI, P.14, Q.11, HOCHIMINH CITY, VN
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME AND SIGNATURE : LÊ QUANG MINH

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT : LÊ QUANG MINH

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
1/ NGUYỄN THỊ DUNG	05 October 1959	Wife
2/ LÊ QUANG KHANH	30 October 1983	Son
3/ LÊ QUANG CẨM UYÊN	12 September 1985	Daughter
4/ LÊ QUANG CẨM YẾN	10 December 1988	Daughter
5/ LÊ THỊ HẠNH	24 April 1966	Young sister

DEPENDENTS' ADDRESS (if different from above)

AS ABOVE

ADDITIONAL INFORMATION : It is respectfully request that any requisite documents such as Letter of Introduction (LOI) with enclosed IV number opened for me in the ODP Office, or have our names placed on the prearranged Ex-Political Prisoners Schedule, in order my family members and I may be permitted to leave Vietnam for the United States under the H.Q. Program.

Hoping to receive your early reply, please accept my heartfelt thanks for your kind assistance in my favor.

Respectfully Yours,

A handwritten signature in dark ink, appearing to be 'Lê Quang Minh', written in a cursive style. Below the signature is a horizontal line.

LÊ QUANG MINH

INTAKE FORM (Two Copies)

Mẫu Đơn về Lý Lịch

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Tên tù nhân)	: LÊ	QUANG	MINH
	-----	-----	-----
	Last(Tên họ)	Middle(Giữa)	First (Tên gọi)

DATE AND PLACE OF BIRTH :	03	15	1952
(Năm, nơi sinh)	Month (tháng)	Day (Ngày)	Year (Năm)

SEX (Nam hay nu) : Male (Nam) : MALE

MARITAL STATUS : Married (cô lập gia đình):
(Tình trạng gia đình) MARRIED

ADDRESS IN VIETNAM : 100 KT/B/35 A BÌNH THOẠI P. 14, Q. 11, HOCHIMINH CITY, VN
(địa chỉ tại Việt Nam)

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes : (Có)

If yes (Nếu có): From(từ) : 29 June 1975 To(đến): 10 December 1980

PLACE OF RE-EDUCATION : The last Re-education camp : TÂNHIỆP - BIÊN HÒA
CAMP (Trại tu)

PROFESSION (Nghề nghiệp) : Tailor

EDUCATION IN U.S. (du hoc tai Mỹ) : N/A

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Second-Lieutenant
Position (Chức vụ): Company leader of Spy Company under
12th Regiment, 07th Division

Date (năm) : 1973 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã nộp đơn cho ODP): Yes (Có) : YES
1984 and 1988

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (số người đi theo) : 05 PERSONS

(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết)

MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 100 KT/B 35^A BÌNH THOÀI, F. 14, Q. 11, HOCHIMINH CITY, VN
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME AND SIGNATURE : LÊ QUANG MINH

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT : LÊ QUANG MINH

[illegible]

1/ NGUYỄN THỊ DUNG	05 October 1959	Wife
2/ LÊ QUANG KHANH	30 October 1983	Son
3/ LÊ QUANG CẨM UYÊN	12 September 1985	Daughter
4/ LÊ QUANG CẨM YẾN	10 December 1988	Daughter
5/ LÊ THỊ HANH	24 April 1966	Young sister

[illegible]

DEPENDENTS' ADDRESS (if different from above)

AS ABOVE

ADDITIONAL INFORMATION : It is respectfully request that any requisite documents such as Letter of Introduction (LOI) with enclosed IV number opened for me in the ODP Office, or have our names placed on the prearranged Ex-Political Prisoners Schedule, in order my family members an I may be permitted to leave Vietnam for the United States under the H.O. Program.

Hoping to receive your early reply, please accept my heartfelt thanks for your kind assistance in my favor.

Respectfully Yours,

A handwritten signature in dark ink, appearing to be 'LQ Minh', written over two horizontal lines.

LE QUANG MINH

BỘ NỘI VỤ
Trại TÂN HIỆP
Số 1312/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 00-QLTG
ban hành theo
công văn số 256
ngày 21/11/1972

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Công an,
Thi hành án văn, quyết định tha số 155 ngày 25 tháng 11
năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ QUANG MINH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1952

Nơi sinh Hưng Yên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Đường 956A Đường Lạc Long Quân Quận 11 SĐ

Can tội Thiếu úy Đại đội trưởng

Bị bắt ngày 20-6-75 Án phạt T.T.G.T

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 2202 GĐ/56A Đường Lạc Long Quân Quận 11 T/P

HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế 12 tháng)

Lấn tay ngón trỏ
phải

Họ, tên chữ ký Ngày 5 tháng 12 năm 80
người được cấp giấy Giám thị

Của LÊ QUANG MINH

Danh bạ 005695

Lập tại HIỆP

LÊ - QUANG - MINH

PHẠM NGỌC DUY NG

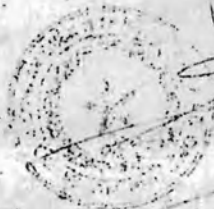
Công an Thủ Đức 21 Q.1.

Xác nhận: Lê Công Minh HTCT,
được trả về có tích trên Vốn Que 14, H30
ngày 6/12/1980.

Ngày 6/12/1980

T.M. Công an P.21

T.M.



Lê Công Minh

Xã, Thị trấn :
Thị xã, Quận : Tân Bình
Thành phố, tỉnh : HCM

BẢN SAO

Số 47/1982

Quyển 01/P6

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	<u>LÊ QUANG MINH</u>	<u>NGUYỄN THỊ DUNG</u>
Bí danh		
Sinh ngày	<u>15. 3. 1952</u>	<u>05. 10. 1959</u>
tháng năm		
hay tuổi		
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>chăn nuôi</u>	<u>thợ may</u>
Nơi đăng ký	<u>202 DC/56A, phường 21</u>	<u>24/13, phường 06</u>
nhân khẩu	<u>Quận 11</u>	<u>Quận Tân Bình</u>
thường trú		
Số giấy CM, CNCC	<u>/</u>	<u>021062568</u>
hoặc hộ chiếu		

Đã ký, ngày 16 tháng 10 năm 1982

T.M. UBND Q. Tân Bình

Người chồng ký

Người vợ ký

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy viên thư ký

đã ký

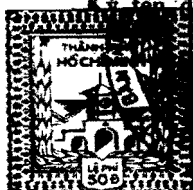
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH Nguyễn Thái Sử

Ngày 19 tháng 10 năm 19 89

T.M. UBND Q. Tân Bình

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHÓ-VĂN-PHÒNG



Nguyễn Thái Sử

Số : 4328 (1)

Ngày 11 tháng 3 năm 1957(1)

GIẤY THẺ-VI KHAI-SANH CHO
LÊ QUANG MINH



Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 11 tháng 3 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là HUYNH KHAC DUNG, Chánh-án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYEN KIM PHONG, phu-tá

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

- 1.- PHAM VAN HIEU
- 2.- NGUYEN VAN BAN
- 3.- DOAN SU

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc
LÊ QUANG MINH

sinh ngày 15-3-1952 tại xã Sài Thị, Huyện Yên, con
của LÊ VAN THIỀU và LÊ THỊ KINH;

Và duyên cớ mà cha y không có thể xin sao lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vi khai
sanhs này cho đương-sự để sử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11
năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và
tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ-từ 2 đến 5 năm tù
và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y, YEN.6

Saigon, ngày 6 tháng 6 năm 1972

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 15800

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐO - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TÒA HÀNH CHÁNH QUẬN NHI

Số hồ sơ: 6060/B

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

NAM MUOI CHIN (1959)
Năm một ngàn chín trăm

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THI DUNG
Phái	NU
Ngày sanh	Năm thàng muoi, nam mot ngan chin tram nam muoi chin 8g55
Nơi sanh	Saigon 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha	NGUYEN CHUYEN
Tuổi	Ba muoi sau
Nghề-nghiệp	Quan nhan
Nơi cư-ngv	Tan Son Hoa Gia Đình
Tên, họ người mẹ	LE THI DUONG
Tuổi	Hai muoi bon
Nghề-nghiệp	noin tro
Nơi cư-ngv	Tan Son Hoa Gia Đình
Vợ chánh hay thứ	đã được hợp pháp hóa do hôn thú lập tại xa Tan Son Hoa Gia Đình ngày 1-7-64

lập tại Saigon, ngày 7 tháng 10 năm 1959

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 29 tháng 9 năm 1966

KT

QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHI



QUẢN TRƯỞNG

MIỄN LỆ PHẢI
HỒ SƠ QUẢN ĐO

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, thị trấn _____

Thị xã, quận: Tân Yên

Thành phố, tỉnh: Hải Phòng

GIẤY KHAI SINH

Số 213/1983

Quyển số 01/P.6



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

và tên	<u>Lê Quang Khanh</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>hai mươi tháng mười năm</u> <u>30. 10. 1983</u>		
Nơi sinh	<u>Bình Liên Cầu Lộ</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Quang Minh</u> <u>1952</u>	<u>Nguyễn Thị Dung</u> <u>1959</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Khơ</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Khơ</u> <u>Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Chăm vườn</u> <u>202 DC/Tr 11 - Felt Duong</u>	<u>Máy</u> <u>2/4/13 Nghĩa Hòa Tân 008</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Quang Minh</u>		

Đăng ký ngày 28 tháng 11 năm 1983

TM/UBND Tân Yên Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên chức vụ)



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Cảnh

Xã, thị trấn :
 Thị xã, quận : Tân Bình
 Thành phố, tỉnh : HCM

GIẤY KHAI SINH

Số 14/1985
 Quyền số 01/P6



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Lê Quang Cẩm Uyên</u>		Nam, nữ	<u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày 12 Tháng 9 Năm 1985</u>			
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Quận 11</u>			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Quang Minh</u> <u>1952</u>		<u>Nguyễn Thị Dung</u> <u>1959</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>			
Quốc tịch	<u>Việt</u>		<u>Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Chăn nuôi</u>		<u>Thủ may</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>24/13 P.06 TB</u>		<u>24/13 P.06 TB</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Quang Minh</u>			

Đăng ký ngày 20 tháng 9 năm 1985

TM/UBND Quận TB Ký tên, đóng dấu
 (ghi rõ họ, tên, chức vụ)
 ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Thúc Súc



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên

LÊ - QUANG - MINH - YẾN

Nam hay nữ

nữ

Ngày, tháng, năm, sinh

(10 / 12 / 1988)

18 giờ

ngày MƯỜI, tháng MƯỜI HAI, năm MỘT CHÍN TÁM TÁM

Nơi sinh

EV. Trưng Vương

Dân tộc

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN - THỊ - DUNG	LÊ - QUANG - MINH
Tuổi	19 99	19 52
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt	Nam
Nghề nghiệp	nội trợ	luôn bận
Nơi thường trú	100KT/B/35A Bình Đa Phường 14 Quận 11	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

cha : LÊ - QUANG - MINH

022 . 632 . 731

Đăng ký ngày 28 tháng 12 năm 19 88

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN 7.14

Người đứng khai

đã ký

LÊ - QUANG - MINH

KT, Chủ tịch
Phó chủ tịch

đã ký

H. M. A. - CH. A. Y

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 1 năm 1989

T/M UBND F.14

ký tên, đóng dấu

T. CH. U. T. I. C. H.
ỦY VIÊN THỦ KÝ

Lê-Phí 10000



Tên họ đứa nhỏ.....	LE THI HANH
Phái.....	Nữ
Ngày sanh.....	Hai mươi bốn tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu hai 4G.
Nơi sanh.....	128 đại lộ Hưng Vương
Tên họ người cha...	LE VAN THIEU
Tuổi.....	Bốn mươi
Nghề-nghiệp.....	Thợ may
Nơi cư ngụ.....	202/DC/56A phường Phú thọ hoa
Tên họ người mẹ....	LE THI KINH
Tuổi.....	Ba mươi chín
Nghề-nghiệp.....	Buôn bán
Nơi cư ngụ.....	202/DC/56A phường Phú thọ Hoa
Vợ chánh hay thứ...	Vợ chánh

LẬP TẠI SAIGON, ngày 27 tháng 4 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỔN-CHÁNH

SAIGON, ngày 7 tháng 11 năm 1966.

TL. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NAM

1966



Nguyễn Ngọc Giang
NGUYỄN NGỌC GIANG

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 586697 CN

Họ và tên chủ hộ : Lê Quang Minh

Ấp, ngõ, số nhà : 100 KT / B / 55 A

Thị trấn, đường phố : Chính Phủ

Xã, phường : 21 14

Huyện, quận : 11

Ngày 30 tháng 7 năm 1985

Trưởng công an Quận 11

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

Fr: LÊ QUANG MINH
100 KT/B/35^A Bình Thới
Phường 14, Quận 11
HOCHIMINH CITY - VIETNAM

R N°3 2 5



ARI NHÂN

Kính gửi Bà KHÚC MINH THO'
PRESIDENT OF THE FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA- 22205 - 0635

U . S . A



MAV 27
PAR AVION

APR 27 1990

PAR AVION VIA AIR MAIL